

**CÔNG TY TNHH DOANH NGHIỆP XÃ HỘI CEUS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DOANH NGHIỆP XÃ HỘI CEUS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CEUS SOCIAL ENTERPRISE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CEUS SOCIAL ENTERPRISE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301127481

**3. Ngày thành lập:** 05/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 92b Đường Nguyễn Văn Khước, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 02752234789

Fax:

Email: [ceus.capital@gmail.com](mailto:ceus.capital@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>(Trừ hoạt động kinh doanh được<br>Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đầu giá)                                     | 4649        |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>(Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đầu giá)                                                                                                                   | 4651(Chính) |
| 3.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động dạy về tôn giáo, hoạt động các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)                                                                                               | 8559        |
| 4.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                         | 8560        |
| 5.  | Lập trình máy vi tính<br>(Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                      | 6201        |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính<br>(Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm)                                                                                                                                        | 6202        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>(Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                            | 6209        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                  | 7410        |
| 9.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập;<br>Loại trừ hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ<br>lượng, hoạt động tư vấn chứng khoán) | 7490        |
| 10. | In ấn<br>(Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động in ấn bao bì)                                                                                                                                                            | 1811        |
| 11. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                   | 1812        |
| 12. | Sao chép bản ghi các loại<br>(Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                  | 1820        |
| 13. | Xuất bản phần mềm<br>(Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                         | 5820        |
| 14. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4741        |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                        | 4761        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HOÀI ANH   | Việt Nam  | Số 287B, Khu Phố 2, Phường 5, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam         | 800.000.000           | 80,000    | 030073010176                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN PHƯỚC VINH | Việt Nam  | Số 92B, Khu Phố 5, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam | 200.000.000           | 20,000    | 095079008025                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀI ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/02/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030073010176

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 287B, Khu Phố 2, Phường 5, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 287B, Khu Phố 2, Phường 5, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre